

NGHIÊN CỨU GIÁ TRỊ SỬ DỤNG CỦA THỰC VẬT CHO LÂM SẢN NGOÀI GỖ Ở VƯỜN QUỐC GIA PHÚ QUỐC

Trần Ngọc Việt Anh¹, Hoàng Thị Minh Huệ²

^{1,2}*Trường Đại học Lâm nghiệp*

TÓM TẮT

Với những đặc điểm riêng có về điều kiện tự nhiên như vị trí địa lý, địa hình và biển đảo, với những hệ sinh thái rừng lá rộng, hệ sinh thái rừng bán ngập và hệ sinh thái rừng ngập mặn, Vườn quốc gia Phú Quốc chứa đựng trong nó rất nhiều loài cây, dạng sống khác nhau. Riêng thực vật cho lâm sản ngoài gỗ đã ghi nhận được 582 loài thuộc 381 chi và 126 họ trong 4 ngành thực vật bậc cao có mạch. Về giá trị sử dụng được chia thành các nhóm sau: Nhóm làm dược liệu có 464 loài; nhóm dùng làm thực phẩm có 91 loài; nhóm làm cảnh có 110 loài; nhóm cho dầu béo, tinh dầu có 34 loài; nhóm tanin, màu nhuộm, nhựa sáp có 47 loài; nhóm cây cho sợi có 42 loài; nhóm giá trị sử dụng khác có 63 loài đã khẳng định tính đa dạng và tiềm năng của thực vật cho lâm sản ngoài gỗ ở Vườn quốc gia. Nghiên cứu cũng đã đề xuất lựa chọn một số loài cây lâm sản ngoài gỗ có giá trị kinh tế và giá trị sử dụng cao để phát triển ở khu vực.

Từ khóa: Bảo tồn, giá trị sử dụng, lâm sản ngoài gỗ, Vườn quốc gia Phú Quốc.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Các loài cây Lâm sản ngoài gỗ (LSNG) không những tham gia vào cấu trúc tổ thành, cấu trúc tầng thứ của hệ sinh thái rừng, mà còn là nguồn sinh kế lâu dài của người dân bản địa vùng nông thôn. Ngoài ra, các loài lâm sản ngoài gỗ còn phản ánh tính đa dạng của hệ thực vật về thành phần loài, dạng sống, phân bố cũng như giá trị sử dụng của nó đối với đời sống con người.

Vườn quốc gia (VQG) Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang có hệ sinh thái rừng cây lá rộng thường xanh, hệ sinh thái rừng ngập nước theo mùa và hệ sinh thái rừng ngập mặn, nơi đây đang chứa đựng nhiều tài nguyên thực vật cho lâm sản ngoài gỗ có giá trị sử dụng, giá trị đa dạng sinh học và bảo tồn cao. Bài báo này phản ánh các kết quả nghiên cứu về tài nguyên thực vật cho lâm sản ngoài gỗ tại Vườn quốc gia Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang về thành phần loài và giá trị sử dụng. Với mục tiêu đánh giá được thực trạng thành phần loài, công dụng của các loài cây cho lâm sản ngoài gỗ tại điểm nghiên cứu. Nội dung nghiên cứu tập trung vào các nhóm giá trị sử dụng.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là các loài thực vật bậc cao có mạch cho lâm sản ngoài gỗ trong khu vực Vườn quốc gia Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Lập 10 tuyến điều tra qua các hệ sinh thái, các trạng thái rừng và các dạng địa hình khác nhau. Lập 20 ô tiêu chuẩn điển hình với diện tích mỗi ô 1000 m² đại diện cho trạng thái rừng, từng kiểu thảm thực vật, ở những độ cao khác nhau. Kết hợp phỏng vấn 15 cá nhân bao gồm người khai thác, thu mua lâm sản ngoài gỗ, cán bộ Vườn quốc gia. Kế thừa các báo cáo có liên quan của Vườn quốc gia để xác định thành phần loài và công dụng.

Phân loại nhóm giá trị sử dụng cây lâm sản ngoài gỗ: Áp dụng theo phân nhóm trong tài liệu “Lâm sản ngoài gỗ Việt Nam” (Dự án Lâm sản ngoài gỗ pha II, 2007).

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thành phần loài cây lâm sản ngoài gỗ theo nhóm giá trị sử dụng ở VQG Phú Quốc

Kết quả điều tra ở Vườn quốc gia Phú Quốc ghi nhận 582 loài cây cho LSNG với 877 lượt giá trị sử dụng (1 loài cho khoảng 1,5 lượt giá trị sử dụng). Kết quả này được thể hiện trong bảng 1.

Bảng 1. Thống kê thực vật cho LSNG theo nhóm giá trị sử dụng ở VQG Phú Quốc

STT	Giá trị sử dụng	Ký hiệu	Số loài	Tỉ lệ (%)
1	Cây dùng làm thuốc	THU	464	79,73
2	Cây làm thực phẩm	AND	91	15,64
3	Cây làm cảnh	CAN	110	18,90
4	Cây cho dầu béo	CDB	5	0,86
5	Cây cho tinh dầu	CTD	29	4,98
6	Cây cho tanin, nhựa	TAN	47	8,08
7	Cây cho sợi	SOI	42	7,22
8	Cây độc	DOC	26	4,47
9	Cây có giá trị sử dụng khác	KH	63	10,82
Tổng số lượt loài có giá trị sử dụng			877	150,69

Ghi chú: Cây dùng làm thuốc – THU; Cây ăn được – AND; Cây làm cảnh – CAN; Cây cho dầu béo – CDB; Cây cho tinh dầu – CTD; Cây cho tannin, nhựa, nhuộm – TAN; Cây cho sợi – SOI; Cây độc – DOC; Cây có giá trị sử dụng khác – KH.

3.1.1. Nhóm cây làm thuốc

Cây thuốc mọc tự nhiên ở rừng là nhóm tài nguyên LSNG có vị trí quan trọng. Bởi lẽ, cây làm thuốc chiếm một số lượng lớn các loài trong các quần xã rừng. Cây thuốc còn là nhóm tài nguyên thực vật có giá trị sử dụng rộng rãi để bảo vệ sức khỏe cộng đồng, đồng thời chúng cũng có giá trị kinh tế cao. Kết quả điều tra ở Vườn quốc gia đã ghi nhận được 464 loài cây làm thuốc trong số 582 loài cây LSNG, chiếm 79,73% tổng số loài LSNG, trong đó có nhiều loài cây thuốc nổi tiếng được người dân địa phương thường xuyên sử dụng, đồng thời khai thác trái phép để bán cho du khách như Bách bệnh (*Eurycoma longifolia*), Song ly to (*Dischidia major*), Hà thủ ô nam (*Streptocaulon juventas*), Ô kiến (*Hydnophytum formicarum*), Đuôi phụng lá sồi (*Drynaria quercifolia*), Tơ xanh (*Cassytha filiformis*), Nắp ấm (*Nepenthes thorelii*), Lạc tiên (*Passiflora foetida*), Kim cang (*Smilax corbularia*)...

3.1.2. Nhóm cây làm thực phẩm

Trong nguồn tài nguyên LSNG ở Vườn

quốc gia Phú Quốc, nhóm cây làm thực phẩm có số loài đứng thứ ba sau nhóm cây thuốc và cây làm cảnh. Qua điều tra phát hiện đã ghi nhận được ở đây tổng số 91 loài cây ăn được. Trong đó có nhiều loài cây ăn trái, lấy củ phổ biến như Sim (*Rhodomyrtus tomentosa*), Dẻ (*Lithocarpus annamensis*), Mít rừng (*Artocarpus spp*), Nhãn rừng (*Dimocarpus fumatus*), Dầu gia (*Baccaurea harmandii*), Thanh trà (*Bouea oppositifolia*), Khoai từ (*Dioscorea spp.*)... và nhiều cây làm rau ăn phổ biến như Choại (*Stenochlaena palustris*), Bứa núi (*Garcinia oliveri*), Vọng cách (*Premna corymbosa*), Vông nem (*Erythrina variegata*)... Hiện nay, việc sử dụng rau rừng đang được nhiều người dân địa phương và khách du lịch ưa chuộng hơn so với rau trồng, vì rau rừng hái từ thiên nhiên, không sử dụng phân bón, hóa chất, đồng thời có hương vị độc đáo. Vì vậy, cần phải nghiên cứu vấn đề sử dụng cây rừng làm thực phẩm để có giải pháp phát triển và khai thác sử dụng có hiệu quả hơn, nhưng vẫn hạn chế được sự tác động tiêu cực đến rừng.

3.1.3. Nhóm cây làm cảnh

Nhóm cây cảnh và cây bóng mát bao gồm: cây hoa, cây cảnh và cây bóng mát. Nhiều loài có giá trị thẩm mỹ cao và có tác dụng điều hòa khí hậu, cải tạo môi trường, chống ô nhiễm và tiếng ồn cho cư dân. Tại Vườn quốc gia Phú Quốc đã xác định được tổng số 110 loài thực vật làm cảnh và cho bóng mát. Các loài chủ yếu được trồng làm cảnh tại sân vườn của hộ gia đình, chậu kiểng, cây bóng mát trong khuôn viên nhà, ven đường, cây làm hàng rào... Những loài làm cảnh, cho bóng mát tiêu biểu như: Mai vàng (*Ochna integerrima*), Bàng lẵng nước (*Lagerstroemia speciosa*), Thông lông gà (*Dacrycarpus imbricatus*), Hoàng đàn giả (*Dacrydium elatum*), Kim giao (*Nageia spp.*)... đặc biệt là một số loài thuộc họ Lan (Orchidaceae) như Thanh tuyền (*Grammatophyllum speciosum*), Vân hải (*Paphiopedilum callosum*), Tuyết mai (*Dendrobium crumenatum*)... Ngoài ra, một số loài như Ô rồng (*Aglaomorpha coronans*), Tắc kè đá (*Drynaria bonii*), Ô phượng (*Platynerium holttumii*), Dừa cạn (*Catharanthus roseus*), Hồ hoa (*Hoya spp.*), các loài Lan và cây Nắp ấm... cũng được nhiều người dân địa phương dùng làm cảnh.

3.1.4. Nhóm cây cho tinh dầu và dầu béo

Nhóm này bao gồm các loài cây có chứa tinh dầu thơm và dầu béo. Theo kết quả điều tra đã ghi nhận được tổng 34 loài trong đó có 29 loài cho tinh dầu và 5 loài cho dầu béo chủ yếu là các loài trong chi (*Cinnamomum spp.*), Bời lời (*Litsea spp.*), Tràm (*Melaleuca cajuputi*), Nhài (*Jasminum spp.*), Mù u (*Calophyllum inophyllum*), Cỏ cút lợn (*Ageratum conyzoides*), Dừa (*Cocos nucifera*)...

3.1.5. Nhóm cây cho tanin, nhựa

Theo kết quả điều tra nhóm LSNG cho tanin, nhựa có 47 loài cung cấp nguồn tanin và thuốc nhuộm dùng thuộc da, làm thuốc nhuộm vải sợi, lưới đánh cá, thực phẩm và các sản phẩm

khác. Về bản chất, tanin là những chất không định hình, có khả năng kết hợp với protein làm thành các chất không bị thối rữa. Tanin dùng để thuộc da rất phổ biến, thường dùng với thành phần của tanin khoảng 60% trên tổng số chất khô, có phối màu để tạo ra sản phẩm da có màu khác nhau. Ngoài tác dụng thuộc da, tanin còn được sử dụng để nhuộm. Các loài đại diện như: Cánh kiến (*Mallotus philippinensis*), Sòi tia (*Sapium discolor*), Bàng (*Terminalia catappa*), Côm tầng (*Elaeocarpus griffithii*), Giá (*Excoecaria agallocha*), Cườm thị (*Diospyros malabarica*), Sóc đỏ (*Glochidion rubrum*), Xu ôi (*Xylocarpus granatum*), Mán đĩa (*Archidendron clypearia*), Trâm nhuộm (*Syzygium tinctorium*), Trâm tích lan (*Syzygium zeylanicum*), Đước (*Rhizophora spp.*), Vẹt (*Bruguiera spp.*), Dà (*Ceriops spp.*).

Nhóm cây cho nhựa sáp chủ yếu là các loài thuộc họ Dầu (Dipterocarpaceae) như Dầu (*Dipterocarpus spp.*), Sến (*Shorea spp.*); họ Đước (Rhizophoraceae) như Vẹt (*Bruguiera spp.*), Dà (*Ceriops spp.*), Đước (*Rhizophora spp.*)... Ngoài ra còn có Sơn tiền (*Melanorrhoea laccifera*), Guồ nam bộ (*Willughbeia edulis*), Vàng nghệ (*Garcinia handburyi*)...

3.1.6. Nhóm cây cho sợi

Nhóm cây cho sợi là các loài thực vật mà trong vỏ, gỗ và lá có chứa tế bào sợi dài và dai. Theo định nghĩa này, nhóm cây cho sợi bao gồm có các loài Song mây (thuộc họ Cau dừa - Arecaceae), các loài tre nứa (họ Hòa thảo - Poaceae) và một số đại diện của một số họ thực vật khác có vỏ hoặc thân cho sợi, dùng làm dây buộc và đan lát. Gồm các loài như: Song bột (*Calamus poilanei*), Mây nước (*Calamus palustris*), Mây bột (*Korthalsia laciniosa*), Gấm (*Gnetum spp.*), Choại (*Stenochlaena palustris*), Ráng biển thường (*Acrostichum aureum*), dây Móng bò (*Bauhinia spp.*), Sỏ bạc (*Dillenia hookeri*),

Chạch chùi (*Tetracera scandens*), Tra làm chiếu (*Hibiscus tiliaceus*), Bái (*Sida spp*), Ké hoa đào (*Urena lobata*), Lâm vồ (*Ficus rumphii*), Ba chạc (*Euodia lepta*), Du (*Trema spp*), Dừa đại (*Pandanus odoratissimus*)...

3.1.7. Nhóm cây độc

Có 26 loài chủ yếu là các loài có chứa chất độc có thể làm tê liệt động vật (bẫy, duốc) hoặc gây tử vong như Mướp xác (*Cerbera spp*), Sừng đuôi trâu (*Strophanthus caudatus*), Dây cảm (*Sarcolobus globosus*), Cỏ lào (*Eupatorium odoratum*), Song qua (*Diplocyclos palmatus*), Săng mây (*Antheroporum pierrei*), Đậu dao (*Canavalia cathartica*), Cóc kèn (*Derris trifolia*), Dó mười nhụy (*Linostoma decandrum*), Mã tiền (*Strychnos angustiflora*), Hương bài (*Dianella ensifolia*)...

3.1.8. Nhóm cây có giá trị khác

Có 63 loài gồm các loài mà các bộ phận như rễ, thân, lá, hoa, quả có thể sử dụng để làm phân xanh cải tạo đất, làm hàng rào, giữ đất, lá lợp nhà như Trung quân lợp nhà (*Ancistrocladus tectorius*), Nê (*Annona glabra*), Phi lao (*Casuarina equisetifolia*), Lục lạc (*Crotalaria spp.*), Vòng nem (*Erythrina variegata*), Mắm (*Avicennia spp*), Dừa (*Cocos nucifera*), Đùng đình (*Caryota mitis*), Dừa nước (*Nypa fructicans*), Cói đất chua (*Cyperus halpan*), Năng xoắn (*Eleocharis spiralis*), Mây nước (*Flagellaria indica*), Cỏ tranh (*Imperata cylindrica*), Sậy núi (*Phargmites karka*)...

3.2. Thực trạng khai thác, sử dụng lâm sản ngoài gỗ tại khu vực nghiên cứu

Trong quá trình điều tra và phỏng vấn các cán bộ Kiểm lâm Vườn quốc gia cũng như người dân tại khu vực nghiên cứu, chủ yếu là người dân thường xuyên khai thác nguồn LSNG, những người thu gom, buôn bán và người sử dụng LSNG đã xác định được những loại LSNG có giá trị kinh tế, và đã đề xuất được một số loài trong nhóm giá trị sử dụng sau:

- Nhóm cây thuốc: Bách bệnh (Mật nhân), Cao cẳng (Sâm cau), Bí kỷ nam...

- Nhóm cây cho sợi: Song bột, Mây.

- Nhóm cây làm cảnh: Thạch tùng sóng, Hoàng đàn giả và một số loài phong lan có hoa đẹp đã được sưu tầm, gây trồng tại hộ gia đình.

- Nhóm thực phẩm: Hiện nay loài Sim đã có một số hộ trồng với quy mô nhỏ, đặc biệt có công ty tư nhân đã thu mua quả Sim chế biến thành rượu, nước giải khát. Sản phẩm bán chạy và được giá cao, bước đầu đã tạo được thương hiệu.

3.3. Giải pháp phát triển tài nguyên thực vật lâm sản ngoài gỗ tại VQG Phú Quốc

- Giải pháp về giống

Trước hết dựa vào những cây hiện có tại Vườn quốc gia, tiến hành thu thập một số cá thể hay hạt giống đem nhân giống tại các trung tâm hay cơ sở nhân giống cây lâm nghiệp. Cây giống sản xuất ra từng bước đánh giá, xây dựng tiêu chuẩn giống (cấp cơ sở) trước khi đem trồng đại trà. Ngoài ra, có thể tự nhân giống hoặc mua giống từ những cơ sở sản xuất giống khác để đưa vào gây trồng.

- Giải pháp kỹ thuật

Trước khi phổ biến trồng đại trà, từng loài cần nghiên cứu trồng thử nghiệm và xây dựng những mô hình trồng trình diễn. Phối hợp với các chuyên gia chuyên ngành (đối với từng nhóm LSNG) để tiến hành nghiên cứu trồng, xây dựng mô hình và xây dựng quy trình kỹ thuật trồng đi đôi với chế biến tại chỗ. Riêng quy trình trồng cây thuốc cần xây dựng đảm bảo GACP.

Từng quy trình (đối với mỗi loài) cần được tóm tắt thành tờ rơi, biên soạn ngắn gọn để phổ biến đến tận người dân.

Tổ chức tập huấn cho nhân dân, những người tham gia trồng cây LSNG về kỹ thuật trồng, chế biến. Đồng thời, tổ chức cho người dân đi tham quan các mô hình trồng LSNG đã có ở các địa phương khác.

- Giải pháp về đầu tư và liên doanh - liên kết

Xây dựng chiến lược toàn diện về bảo tồn đi đôi với phát triển bền vững LSNG ở Vườn quốc gia Phú Quốc. Trong đó, các nhiệm vụ bảo tồn và quản lý được coi là trọng tâm, đi đôi với nó là kế hoạch phát triển trồng thêm tại chỗ các loài LSNG bản địa và có giá trị kinh tế cao, nhằm tạo thêm thu nhập cho người dân, giảm thiểu sức ép xâm phạm và khai thác tự do LSNG ở VQG. Toàn bộ chiến lược này cần được cụ thể hóa thành các dự án với các bước đi cụ thể.

Về nguồn đầu tư, trước hết phải bám sát vào các chương trình nghiên cứu, chương trình bảo tồn và phát triển cộng đồng của Quốc gia và các tổ chức quốc tế. Trên cơ sở đó tranh thủ sự đầu tư, hỗ trợ của Nhà nước, Quốc tế và cấp tỉnh. Xu thế chung trong việc triển khai các chương trình, dự án về LSNG cũng như về một số lĩnh vực khác hiện nay là sự mở rộng hợp tác và liên doanh, liên kết. Đối với việc phát triển các loài cây LSNG cần thiết phải có sự phối hợp liên kết giữa 4 nhà: nhà khoa học (nghiên cứu), nhà quản lý (đầu tư, phối hợp, triển khai và thúc đẩy dự án), nhà nông (người sản xuất) và nhà doanh nghiệp (đầu tư và bao tiêu sản phẩm). Trong mỗi liên kết này của cả 4 nhà đều rất quan trọng và tiến hành đồng thời, song vai trò của các doanh nghiệp cam kết bao tiêu sản phẩm là một động lực thúc đẩy người dân phát triển gây trồng cây LSNG. Hiện đã có nhiều nơi được cam kết bao tiêu sản phẩm theo giá thỏa thuận, người dân đã tự bỏ vốn ra để sản xuất cây LSNG mà không cần bất cứ sự đầu tư nào.

Trong quy hoạch, huyện đảo Phú Quốc sẽ trở thành đặc khu kinh tế, cùng với sự phát triển chung cũng sẽ gây sức ép tới quỹ đất đai, tác động của khách du lịch đến hệ sinh thái rừng của VQG, nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm

LSNG, nhưng đồng thời là những tác động ảnh hưởng không tốt đến hệ thực vật rừng nói chung, LSNG nói riêng ở VQG. Vấn đề đặt ra cho những nghiên cứu tiếp theo là làm thế nào đảm bảo giữa bảo tồn và phát triển.

4. KẾT LUẬN

Tổng số loài LSNG ghi nhận tại Vườn quốc gia Phú Quốc là 582 loài, 381 chi, 126 họ thuộc 4 ngành thực vật bậc cao có mạch.

Về giá trị sử dụng của thực vật cho LSNG ở Phú Quốc: Nhóm cây làm thuốc có 464 loài; nhóm cây ăn được 91 loài; nhóm cây có sợi 42 loài; nhóm cây cho tanin, nhựa 47 loài; nhóm cây cho tinh dầu và dầu béo 34 loài; nhóm cây làm cảnh và cho bóng mát 110 loài, nhóm cây độc là 26 loài và nhóm cây có công dụng khác 63 loài.

Bước đầu đã điều tra được sơ bộ tình hình khai thác, sử dụng và quản lý LSNG ở Vườn quốc gia, trong đó hoạt động khai thác cây làm thuốc và cây làm cảnh là chủ yếu.

Căn cứ vào kết quả điều tra nghiên cứu trên đề xuất một số giải pháp bảo tồn và phát triển tập trung vào các loài cho LSNG quý hiếm và phát triển các loài cho LSNG có tiềm năng kinh tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2000). *Tên cây rừng Việt Nam*. Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.
2. Trần Ngọc Hải (2009). *Lâm sản ngoài gỗ*. Giáo trình Trường Đại học Lâm nghiệp.
3. Dự án hỗ trợ chuyên ngành Lâm sản ngoài gỗ tại Việt Nam (2007). *Lâm sản ngoài gỗ Việt Nam*. Nxb. Bản Đồ, Hà Nội.
4. Đỗ Tất Lợi (1995). *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, In lần thứ VI. Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
5. Nguyễn Phú Nam (2018). *Nghiên cứu thực vật lâm sản ngoài gỗ ở VQG Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang*. Luận văn Thạc sĩ Trường Đại học Lâm nghiệp.
6. Jenne De Beer (2000). *Non-wood forest products in Indochina - Focus: Vietnam*. FAO Rome, Fo: Misc/93/5 Working paper D/V 0782, 15.

**RESEARCH ON THE UTILIZATION VALUES OF NTFP PLANTS
IN PHU QUOC NATIONAL PARK, KIEN GIANG PROVINCE**

Tran Ngoc Viet Anh¹, Hoang Thi Minh Hue²
^{1,2}Vietnam National University of Forestry

SUMMARY

Located on an island in the South of Vietnam, Phu Quoc National park has its own natural characteristics of geographic location, terrain and seasland creating many types of forestry ecosystems as broad-leaf forest, semi-submerged forest and mangrove forest with many species of trees and different forms of life. This study evaluated the variety of NTFP plants based on the utilizing values of the species in the National park. The results recorded that there are 582 NTFP plant species belonging to 381 genera, 126 families in 4 vascular plant divisions. The value of use is divided into 7 groups such as: Medicinal group has 464 species; Edible plant group has 91 species; Aesthetic and shade group has 110 species; Fatty oil and aromatic tree group has 34 species; Tannin, dye and plastic wax group has 47 species; Fiber and yarn tree group has 42 species; another values group has 63 species. The study also proposed the selection of some NTFPs species with high economic value to develop in the area.

Keywords: Conservation, non timber forest products, Phu Quoc National park, utilizing values.

Ngày nhận bài : 14/9/2018
Ngày phản biện : 24/10/2018
Ngày quyết định đăng : 02/11/2018